TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2018/DS-ST
Ngày 30 - 5 - 2018
V/v Tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lý Thị Sầm.

2/- Bà Dương Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, về việc "*Tranh chấp chia thừa kế"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 32/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 329/2018/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn:

1.1- Bà M; Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Campuchia. (có mặt)

1.2- Ông N; Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn*: Luật sư X - Văn phòng X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký bảo vệ ngày 20/10/2017). (có mặt)

2/. Bị đơn: Ông P; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*: Ông Y; Địa chỉ: ấp C4, xã C4, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/12/2017). (có mặt)

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Q; Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ).

3.2- Bà S. Địa chỉ: Campuchia.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Q và bà S*: Bà M (là nguyên đơn, theo Giấy ủy quyền ngày 28/6/2017 và Hợp đồng ủy quyền ngày 28/4/2017). (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q và bà S*: Luật sư X - Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký bảo vệ ngày 20/10/2017). (có mặt)

3.3- Ngân hàng Z; Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Z:* Ông W - Nhân viên phát triển kinh doanh của Ngân hàng Z - Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ: ấp C3, xã B3, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (theo Quyết định ủy quyền số 32/QĐ-STG ngày 19/10/2017). (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

3.4- Ông K;

3.5- Bà L;

Cùng địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

3.6- Bà H; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà H*: Ông Y; Địa chỉ: ấp C4, xã C4, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2018). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn N, M trình bày**: Cha mẹ là cụ O (chết ngày 17/7/2009) và cụ T (chết ngày 01/3/2014), đều không để lại di chúc, các cụ có tất cả 06 người con chung gồm: M, Q, S, G (chết năm 1984 không có chồng, con), P, N. Ngoài ra, các cụ không có con nuôi hay con riêng. Sinh thời, các cụ có tạo lập được các tài sản sau đây:

+ Căn nhà trệt gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 66m^2 (ngang khoảng 3,2m, chiều dài 23m), tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (chưa được đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà).

+ Căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích khoảng 150m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (căn nhà và diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do ông P đang cất giữ).

+ Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 82m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (đã được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 290747 ngày 20/8/2003 cho hộ ông O, hiện nay ông P đang cất giữ).

+ Số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ của cụ T đứng tên tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (Bản chính sổ tiết kiệm ông P đang cất giữ).

Do hoàn cảnh cuộc sống kinh tế khó khăn nên khi anh chị em của ông, bà trưởng thành và đi làm để mưu sinh, cha mẹ và anh chị em bàn tính để cho vợ chồng P và N sinh sống tại căn nhà ấp C, xã B (dãy vựa) để buôn bán làm ăn, còn cha mẹ tuổi già sức yếu thì về sinh sống, dưỡng già tại căn nhà ấp C1, xã B1. Khi cha mẹ qua đời thì không để lại di chúc nên ông P đã có thái độ đối xử không tốt với em út là ông N, buộc ông N phải rời bỏ nhà đi làm thuê nơi khác. Vì vậy, anh chị em của ông, bà có về để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại để lấy vốn làm ăn nhưng ông P không chịu thỏa thuận. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật cho 05 anh chị em của ông, bà đối với tất cả tài sản do cha, mẹ chết để lại như nêu trên, cụ thể gồm:

+ Căn nhà và diện tích đất 66m^2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

+ Căn nhà và diện tích đất tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

+ Số tiền gốc và lãi tiết kiệm của mẹ của ông, bà là bà T gửi tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Tiền gốc là 70.000.000đ, tiền lãi từ ngày 24/01/2015 cho đến khi xét xử xong vụ án.

- Các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Q, S) yêu cầu được nhận toàn bộ hiện vật nhà và đất, giao trả cho bị đơn ông P giá trị tài sản được hưởng bằng tiền, vì hiện tại ông P có nhà ở tại đường 30/4.

*** Tại phúc đáp về việc thông báo thụ lý vụ án ngày 07/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn P trình bày**: Theo nguyên đơn N, M trình bày về cha mẹ là cụ O (chết ngày 17/7/2009) và cụ T (chết ngày 01/3/2014), chung sống với nhau có tất cả 06 người con chung, các cụ không có con nuôi hay con riêng, các cụ chết đều không có để lại di chúc là đúng. Tuy nhiên, về tài sản:

+ Căn nhà trệt gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay căn nhà không còn, do Nhà nước giải tỏa để xây dựng 12 căn nhà Khu phố C và cấp nền tái định cư 77m^2 (tại nền đất cũ 66m^2 + tăng thêm 11m^2), tại Lô K7, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, ông đang đầu tư xây dựng lại nhà mới theo quy hoạch.

+ Căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích khoảng 150m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Phần căn nhà là do cha mẹ đầu tư xây dựng năm 2006, nhưng quyền

sử dụng đất là của chùa J và đến ngày 14/02/2017 chùa đã đồng ý cho ông diện tích đất này.

+ Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 82m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do cha mẹ nhận chuyển nhượng của người khác.

+ Số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ của mẹ ông đứng tên tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, ngày 06/5/2015 bà M và ông N đến phòng công chứng V lập giấy tặng cho ông phần bà M và ông N được hưởng.

Đồng ý chia đều cho 05 người (M, Q, S, P, N) quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất diện tích khoảng 82m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; căn nhà 01 trệt, 01 lầu tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Chia cho ông Q, bà S mỗi người 1/5 số tiền tiết kiệm. Diện tích đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của ông và ông xin được nhận phần diện tích đất tại Lô K7, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Q, S**: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

* **Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H**: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

* **Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/3/2018 người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Z**: Cam kết thực hiện theo yêu cầu của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

* **Tại đơn yêu cầu (được vắng mặt) ngày 06/4/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan K, bà L**: Hiện ông, bà là người thuê của ông P nhà và đất tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, việc thỏa thuận thuê nhà giữa hai bên vẫn còn tồn tại, nhà và đất do ông, bà trực tiếp quản lý, sử dụng. Đối với việc tranh chấp thừa kế giữa các bên không liên quan gì đến ông, bà, nên ông, bà không có ý kiến gì, việc thuê nhà, đất giữa ông, bà và ông P thì do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng theo bị đơn quyền sử dụng đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng là của chùa J và đến ngày 14/02/2017 chùa đã đồng ý cho bị đơn, các nguyên đơn cho bị đơn số tiền được hưởng trong số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ của cụ T gửi tại Ngân hàng Z - Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt Ngân hàng) đều là

không có cơ sở, nên việc khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đồng thời, yêu cầu định giá lại di sản là quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng hoặc bán di sản để chia theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của các nguyên đơn về việc bán di sản để chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ tại Ngân hàng; quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng và diện tích khoảng 82m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; Căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích khoảng 150m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp chia thừa kế*" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các Điều 609, 649, 650 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án có đương sự ở nước ngoài, việc tranh chấp giữa các đương sự có liên quan đến quyền đối với tài sản (là bất động sản nằm trên lãnh thổ Việt Nam) của đương sự ở nước ngoài. Do vậy, Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Cụ O (chết ngày 17/7/2009) và cụ T (chết ngày 01/3/2014), không để lại di chúc, ngày 03/5/2017 các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản của các cụ theo pháp luật là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng, ông K và bà L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, đương sự khác vắng mặt có người đại

diện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[5] Sau khi hoãn phiên tòa và tại phiên tòa các nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để định giá lại di sản là quyền sử dụng đất 66m^2, thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, từ khi có kết quả định giá đến nay các bên đương sự đều biết, thống nhất và không khiếu nại, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, đến khi hoãn phiên tòa và tại phiên tòa mới yêu cầu và không thuộc trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đồng thời, theo quy định tại khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 "*Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự*", nhưng tại phiên tòa các nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn không đưa ra được căn cứ để chứng minh kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá. Do đó, theo các nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để định giá lại di sản là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[II] Về nội dung:

[1] Các đương sự thống nhất theo số đo, diện tích đo đạc thực tế tại các Biên bản (V/v xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá) và các Biên bản (V/v định giá tài sản) cùng ngày 19/9/2017, các sơ đồ đo vẽ kèm theo (BL 186 - 202); thống nhất số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ tại Ngân hàng (Sổ tiết kiệm số AA ZZZ/Số tài khoản ZZZZ, ngày 14/01/2014); quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (căn nhà đã bị giải tỏa nên không còn) và diện tích 73,52m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; Căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của cụ O (chết ngày 17/7/2009) và cụ T (chết ngày 01/3/2014) để lại.

[2] Tuy nhiên, theo bị đơn P thì phần căn nhà tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng do cụ O và cụ T đầu tư xây dựng năm 2006, còn phần quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2 là của chùa J và đến ngày 14/02/2017 chùa đã đồng ý cho bị đơn diện tích đất này. Số tiền gửi tiết kiệm 70.000.000đ của cụ T đứng tên tại Ngân hàng thì ngày 06/5/2015 các nguyên đơn có đến phòng Công chứng V lập giấy tặng cho bị đơn phần của các nguyên đơn được hưởng.

[3] Do đó, bị đơn P yêu cầu di sản là quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà 01 trệt,

01 lầu tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng chia thừa kế theo pháp luật cho 05 người (M, Q, S, P, N). Đối với di sản là số tiền gốc gửi tiết kiệm 70.000.000đ và lãi phát sinh tại Ngân hàng chia cho ông Q và bà S mỗi người thừa hưởng 1/5 và bị đơn thừa hưởng 3/5. Diện tích đất 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của bị đơn và bị đơn xin được nhận phần diện tích đất 66m^2 nằm trong diện tích 77m^2, thuộc Lô K7, tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Xét thấy, quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, gắn liền với nhà ở ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của chùa J là đúng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận đất của cụ O và cụ T, tại phiên tòa thì người đại diện của bị đơn thừa nhận diện tích đất này cụ O và cụ T sử dụng từ khi mua nhà của người khác, sau đó các cụ dỡ bỏ nhà cũ và xây dựng nhà mới như hiện trạng hiện nay, đất thì vẫn của chùa J và mãi cho đến ngày 24/02/2017 thì Thượng tọa J1 cho lại bị đơn, nhưng theo Thượng tọa J1 xác nhận (BL 155) "*diện tích đất do người khác chiếm, cụ O nhận chuyển nhượng lại (không nhớ năm), khi Nhà nước mở đường C1 mà các hộ dân đã ở ổn định thì cho đăng ký quyền sử dụng đất, nên ngày 14/02/2017 bị đơn P đến nhờ chùa xác nhận để đăng ký được cấp giấy, chùa đồng ý cho ông P đăng ký vì cụ O đã chết, mục đích xác nhận để gia đình bị đơn P được cấp giấy*". Như vậy, cho thấy quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc của chùa J, cụ O nhận chuyển nhượng của người khác trước khi mở đường C1 và xây dựng nhà ở như hiện trạng, ngày 14/02/2017 Thượng tọa J1 chỉ xác nhận cho gia đình bị đơn đăng ký để được cấp giấy chứng nhận, chứ Thượng tọa J1 không có cho bị đơn, nên bị đơn cho rằng ngày 14/02/2017 Thượng tọa J1đã đồng ý cho bị đơn và diện tích đất 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sử dụng của bị đơn và không phải di sản của cụ O và cụ T chết để lại là không có cơ sở.

[5] Đồng thời, tuy ngày 06/5/2015 các nguyên đơn có đến phòng công chứng V lập Văn bản thỏa thuận nhường (tặng cho) quyền thừa kế theo quy định của pháp luật, theo đó các nguyên đơn tặng cho bị đơn phần các nguyên đơn được hưởng trong số tiền gửi tiết kiệm của cụ T tại Ngân hàng, theo các nguyên đơn việc tặng cho là có điều kiện, bị đơn phải cho nguyên đơn N sống chung tại căn nhà ấp C, xã B, nhưng bị đơn không thực hiện và xử sự không tốt với nguyên đơn N, nên các nguyên đơn đã có đơn yêu cầu hủy bỏ và không thực hiện việc tặng cho, nên việc tặng cho không thực hiện được và số tiền gửi tiết kiệm của cụ T tại Ngân hàng vẫn bảo toàn đến nay. Mặt khác, số tiền này sau khi cụ T chết các đồng thừa kế cũng chưa thỏa thuận phân chia hoặc yêu cầu phân chia cụ thể các đồng thừa kế mỗi người được thừa hưởng bao nhiêu, nên chưa phát sinh quyền sở hữu của các nguyên đơn đối với phần mình được thừa hưởng, nên các nguyên đơn không có quyền định đoạt tặng cho. Do vậy, tại phiên tòa các nguyên đơn không đồng ý thực hiện theo Văn bản thỏa thuận trên, do bị đơn vi phạm điều kiện tặng cho và yêu cầu chia toàn bộ số tiền gửi, lãi phát sinh tại Ngân hàng cho các đồng thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

[6] Theo các Biên bản (V/v định giá tài sản) cùng ngày 19/9/2017 (BL 190, 196 và 202) thì quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có giá trị 1.320.000.000đ (66m^2 x 20.000.000đ/m^2); Quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có giá trị 5.146.400đ (73,52m^2 x 70.000đ/m^2); Căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có giá trị 994.576.640đ {đất 605.150.000đ (121,03m^2 x 5.000.000đ/m^2) + nhà 381.723.114đ (127,68m^2 x 4.599.517đ/m^2 x 65%) + nền láng xi măng 7.703.526đ (36m^2 x 389.067đ/m^2 x 55%)}; tiền gửi tiết kiệm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2018) số tiền 81.739.532đ (tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 11.739.532đ). Tổng trị giá di sản là 2.401.462.572đ (1.320.000.000đ + 5.146.400đ + 994.576.640đ + 81.739.532đ).

[7] Lúc sinh thời cụ O và cụ T chung sống với nhau có tất cả 06 người con chung gồm: M, Q, S, G (chết năm 1984 không có chồng, con), P, N; các cụ không có con riêng, con nuôi và cha mẹ các cụ cũng đã chết hết; các ông bà M, Q, S, P, N thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ O và cụ T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 và những người thừa kế không thuộc trường hợp người không được quyền hưởng di sản theo quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, các ông bà M, Q, S, P và N là người thừa kế di sản của cụ O và cụ T theo pháp luật và mỗi người được thừa hưởng 01 kỷ phần bằng nhau.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu toàn bộ di sản của cụ O và cụ T chia đều thành 06 kỷ phần bằng nhau, 05 kỷ phần chia đều cho các đồng thừa kế (M, Q, S, P và N) mỗi người 01 kỷ phần, bị đơn hưởng thêm 01 kỷ phần do có công chăm sóc, nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ và bảo quản di sản. Xét thấy, lúc sinh thời các cụ giao nhà đất tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng cho vợ chồng bị đơn làm nơi mua bán để sinh lợi cho gia đình bị đơn, các cụ thì về sinh sống tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng nên bị đơn cũng không nuôi dưỡng, sau khi các cụ chết thì bị đơn tiếp tục sử dụng nhà đất tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng mua bán và cho thuê nhà đất tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng để có thêm thu nhập cho gia đình bị đơn. Do đó, theo bị đơn yêu cầu toàn bộ di sản của cụ O và cụ T chia đều thành 06 kỷ phần bằng nhau, 05 kỷ phần chia đều cho các đồng thừa kế và bị đơn hưởng thêm 01 kỷ phần do có công chăm sóc, nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ và bảo quản di sản là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Toàn bộ di sản của cụ O và cụ T có giá trị là 2.401.462.500đ (làm tròn số), chia đều cho các đồng thừa kế của các cụ là M, Q, S, P và N mỗi người được thừa hưởng 01 kỷ phần tương đương với số tiền là 480.292.500đ (2.401.462.500đ : 5). Do ông Q và bà S đang định cư ở nước ngoài và tại phiên tòa nguyên đơn M đồng ý giao kỷ phần của ông Q và bà S được thừa hưởng cho nguyên đơn N quản lý, nên kỷ phần của ông Q và bà S được thừa hưởng thì giao

cho nguyên đơn N quản lý, khi nào ông Q và bà S yêu cầu nhận thì nguyên đơn N có nghĩa vụ giao lại.

[10] Về di sản là hiện vật, các nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được nhận bằng hiện vật và trả lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Xét thấy, quyền sử dụng đất diện tích 66m^2, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, sau khi Nhà nước giải tỏa không còn hiện trạng ban đầu, bị đơn P được cấp lại nền đất tái định cư khác diện tích 77m^2, tại vị trí Lô K7, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, sau khi được cấp bị đơn đã trả thêm giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho Nhà nước và đầu tư xây dựng nhà ở trên đất, nếu giao cho người khác sở hữu, sử dụng thì không thực hiện được. Đồng thời, nguyên đơn N hiện tại đi làm thuê và không có chỗ ở, các đồng thừa kế khác đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên về nhu cầu chỗ ở là không cần thiết. Do đó, cần giao di sản là quyền sử dụng đất diện tích 66m^2 nằm trong diện tích 77m^2, tại vị trí Lô K7, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng cho bị đơn; giao quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng cho nguyên đơn N; nguyên đơn N và bị đơn P được quyền sở hữu, sử dụng di sản được giao theo quy định pháp luật về đất đai và nhà ở; nguyên đơn N và bị đơn P có nghĩa vụ trả lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là có tình, có lý và đúng pháp luật.

[11] Tại phiên tòa các nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 về di sản là hiện vật được bán để chia. Xét thấy, theo quy định này thì khi các đồng thừa kế không thỏa thuận được người nhận hiện vật và tất cả đồng ý bán để chia, không có tranh chấp và di sản là hiện vật phải độc lập, như đã phân tích trên quyền sử dụng đất diện tích 66m^2 nằm trong diện tích 77m^2, tại vị trí Lô K7, ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng không còn hiện trạng ban đầu, không độc lập mà trên đất bị đơn P đã xây dựng nhà ở kiên cố, nếu không giao di sản như phân tích trên thì đến giai đoạn thi hành án bán di sản để phân chia là khó thi hành và không thi hành án được. Do đó, theo các nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị di sản là hiện vật được bán để chia là chưa đủ cơ sở để chấp nhận, phân chia và giao di sản như nêu trên là có căn cứ.

[12] Đối với số tiền của cụ T gửi tại Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền gốc 70.000.000đ và tiền lãi 11.739.500đ (tính tròn số) chia đều cho M, Q, S, P và N mỗi người được thừa hưởng số tiền gốc 14.000.000đ, tiền lãi 2.347.900đ (tổng cộng 16.347.900đ) và lãi phát sinh trên số tiền gốc đến khi rút hết số tiền gốc. Do đó, kỷ phần thừa kế của M, Q, S, P và N mỗi người còn lại số tiền 463.944.600đ (480.292.500đ - 16.347.900đ).

[13] Nguyên đơn N nhận toàn bộ di sản nêu trên trị giá 999.723.040đ (5.146.400đ + 994.576.640đ), trừ kỷ phần nguyên đơn N được hưởng còn lại thì

nguyên đơn N có nghĩa vụ giao trả bằng tiền cho nguyên đơn M và ông Q, bà S phần giá trị chênh lệch là 535.778.440đ (999.723.040đ - 463.944.600đ).

[14] Bị đơn P nhận toàn bộ di sản nêu trên trị giá 1.320.000.000đ, trừ kỷ phần bị đơn P được hưởng còn lại thì bị đơn P có nghĩa vụ giao trả bằng tiền cho nguyên đơn M và ông Q, bà S phần giá trị chênh lệch là 856.055.400đ (1.320.000.000đ - 463.944.600đ).

[15] Như đã phân tích trên, theo khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ O và cụ T của các nguyên đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Kiểm sát viên và Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự M, Q, S, P và N mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng, với số tiền là 23.211.700đ (400.000.000đ x 5% + 80.292.500đ x 4%) theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[18] Chi phí thẩm định đo đạc và định giá tài sản 11.050.000đ: Các đương sự M, Q, S, P và N mỗi người phải chịu 2.210.000đ. Toàn bộ số tiền chi phí thẩm định đo đạc và định giá tài sản 11.050.000đ N đã nộp xong, nên M, Q, S và P mỗi người nộp 2.210.000đ để hoàn trả lại cho N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 266 và điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 609, Điều 621, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn M và N về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ O và cụ T theo pháp luật.

2/- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 66m^2 (nằm trong diện tích 77m^2), thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng;

căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng và tiền gửi tiết kiệm của cụ T tại Ngân hàng Z - Chi nhánh Sóc Trăng là di sản của cụ O và cụ T chết để lại.

3./- Chia di sản của cụ O và cụ T là quyền sử dụng đất diện tích 66m^2 (nằm trong diện tích 77m^2), thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng và tiền gửi tiết kiệm của cụ T tại Ngân hàng Z - Chi nhánh Sóc Trăng, chia đều 05 kỷ phần cho các ông bà M, Q, S, P và N mỗi người được thừa hưởng 01 kỷ phần tương đương với số tiền 480.292.500đồng. Kỷ phần thừa kế của ông Q và bà S được thừa hưởng thì giao cho ông N quản lý, khi nào ông Q và bà S yêu cầu nhận thì ông N có nghĩa vụ giao lại.

3.1/- Số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Z - Chi nhánh Sóc Trăng (Sổ tiết kiệm số AA ZZZ/Số tài khoản ZZZZ, ngày 14/01/2014) tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền gốc 70.000.000đồng và tiền lãi 11.739.500đồng (tính tròn số) chia đều cho các ông bà M, Q, S, P và N mỗi người được nhận số tiền gốc 14.000.000đồng, tiền lãi 2.347.900đồng và lãi phát sinh trên số tiền gốc kể từ ngày 29/5/2018 đến khi rút hết số tiền gốc. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng Z - Chi nhánh Sóc Trăng phải cho các ông bà M, Q, S, P và N được rút số tiền gốc, lãi và lãi phát sinh tương ứng với phần mình được chia nêu trên.

3.2/- Giao cho nguyên đơn N được sở hữu, sử dụng di sản là quyền sử dụng đất diện tích 73,52m^2, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng; căn nhà 01 trệt, 01 lầu gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 121,03m^2, thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn N có nghĩa vụ giao trả bằng tiền cho các đồng thừa kế khác phần giá trị chênh lệch là 535.778.440đồng (M, Q, S mỗi người 178.592.800đồng).

* Phần đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 36, loại đất CLN, tọa lạc tại ấp C2, xã B2, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất nhà máy nước và đất GR1, số đo 12,08m.

- Hướng Tây giáp đất GR2, số đo 15,8m.

- Hướng Nam giáp hẻm, số đo 7,13m.

- Hướng Bắc giáp đất GR3, số đo 5,1m.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

* Phần đất tại thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất GR4, số đo 18,12m.

- Hướng Tây giáp đất GR5, số đo 17,97m.

- Hướng Nam giáp đất GR6, số đo 6,54m.

- Hướng Bắc giáp vỉa hè đường C1, số đo 6,86m.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

3.3/- Giao cho bị đơn P được sở hữu, sử dụng di sản là quyền sử dụng đất diện tích đất 66m^2 (nằm trong diện tích 77m^2), thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn P có nghĩa vụ giao trả bằng tiền cho các đồng thừa kế khác phần giá trị chênh lệch là 856.055.400đồng (M, Q, S mỗi người 285.351.800 đồng).

* Phần đất tại thửa đất số 60 (nay là Lô K7), tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất GR7, số đo 21,2m.

- Hướng Tây giáp đất GR8, số đo 21,2m.

- Hướng Nam giáp mương thoát nước, số đo 3,18m.

- Hướng Bắc giáp đường C, số đo 3,05m.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

3.4/- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự M, Q và S có đơn yêu cầu Thi hành án thì các đương sự N và P phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên (nêu tại 3.2 và 3.3) cho các đương sự M, Q và S theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu bị đơn các đương sự N và P không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/- Án phí dân sự sơ thẩm: Các ông, bà M, Q, S, P và N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 23.211.700đồng; Bà M và ông N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp mỗi người 7.500.000đồng theo các Biên lai thu số 0007664 (M) và số 0007663 (N) cùng ngày 12/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, bà M và ông N còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 15.711.700đồng.

5/- Chi phí thẩm định đo đạc và định giá tài sản, tổng cộng 11.050.000đồng: Các ông, bà M, Q, S, P và N mỗi người phải chịu 2.210.000đồng, số tiền chi phí thẩm định đo đạc và định giá tài sản 11.050.000đồng ông N đã nộp tạm ứng xong, nên các ông, bà M, Q, S và P mỗi người nộp 2.210.000đồng để hoàn trả lại cho ông N.

4/- Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi